

Bản án số: 179/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình
"Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Phương

Bà Ma Thị Như Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12/4/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Mạ Văn K**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: **Thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.**

2. Bị đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: **Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.**

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh **Mạ Văn K** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Hoàng Thị T** đăng ký kết hôn tại **UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyền Quang** vào ngày 01/01/2001, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi được 2 bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị về chung sống với nhau được 1 thời gian rất ngắn đến cuối năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế. Chị **T** từ ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó chị **T** đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nhà thăm bố mẹ 1 vài ngày rồi lại đi, vợ chồng không chung

sống với nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, thời gian ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nên anh đề nghị Toà án nhân dân huyện H giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung, về tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị chung sống với nhau thời gian ngắn nên không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị Hoàng Thị T không đến Tòa án để làm việc. Tòa án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương với bà Nguyễn Thị C, trưởng thôn K, xã M; với ông Hoàng Văn T1 và bà Lộc Thị M là bố mẹ đẻ của bị đơn, kết quả thể hiện: Anh Mạ Văn K và chị Hoàng Thị T trước đây có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên thời gian sau tách thôn thì anh K là công dân có hộ khẩu ở thôn N, còn chị T là công dân có hộ khẩu ở thôn K, cùng xã M. Anh K và chị T kết hôn với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang được 1 thời gian rất ngắn, khoảng 3-4 tháng sau đó thì không chung sống với nhau nữa. Nguyên nhân là do sau khi được 2 bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị về chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn với gia đình chồng, anh K không quan tâm đến chị T, chị T bị bệnh trầm cảm nên đã về nhà ngoại ở để chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh thì anh chị không chung sống với nhau nữa, chị T đi làm ăn xa, thi thoảng mới về thăm nhà. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay đã hơn 20 năm, ai cũng có cuộc sống của riêng mình. Do đó người thân và chính quyền địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị T đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh K theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, anh K chị T chung sống với nhau thời gian rất ngắn nên chưa có con chung, không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T đã hết, vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T. Bị đơn chị T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Mạ Văn K**:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Mạ Văn K** được ly hôn với chị **Hoàng Thị T**.

+ Về con chung, về tài sản chung, vay nợ chung: Do các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn anh **Mạ Văn K** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Anh **Mạ Văn K** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị **Hoàng Thị T**, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hôn nhân và gia đình “*Xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị **Hoàng Thị T** có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại **thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị **Hoàng Thị T** không đến Tòa án để làm việc. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, vay nợ chung của các đương sự cũng như tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Việc chị **T** không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ pháp luật, không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án đã xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh **Mạ Văn K** và chị **Hoàng Thị T** kết hôn với nhau từ năm 2001, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới vợ chồng anh **K**, chị **T** về chung sống tại **thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang**. Cuộc sống chung vợ chồng của anh chị diễn ra trong thời gian rất ngắn, chỉ khoảng 3-4 tháng. Sau đó vì mâu thuẫn gia đình, chị **T** bị bệnh trầm cảm nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở và chữa bệnh. Tuy nhiên sau khi khỏi bệnh, chị **T** đi làm ăn xa ở Hải Phòng, không về chung sống với anh **K** nữa mà chỉ thi thoảng về thăm bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay đã hơn 20 năm. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, ai cũng có cuộc sống của riêng mình. Anh **K** xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị **T** để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh **K** và chị **T** sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **K** và chị **T** đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh **K** được ly hôn với chị **T** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung, về tài sản chung, vay nợ chung: Do các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn anh **Mạ Văn K** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Mạ Văn K**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Mạ Văn K** được ly hôn với chị **Hoàng Thị T**.

*Giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 01/01/2001 cho anh **Mạ Văn K** và chị **Hoàng Thị T** không còn giá trị pháp lý sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.*

2. Về án phí: Nguyên đơn anh **Mạ Văn K** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000589 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 12/4/2024), anh **K** đã nộp đủ án phí. Bị đơn chị **Hoàng Thị T** không phải nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Minh Dân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Ngọc